

Số: /QĐ- UBND

Phú Đình, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội
năm 2022 xã Phú Đình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ ĐÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 7688/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện về việc giao Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Định Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND, ngày 28/12/2021 của HĐND xã khóa XIX, kỳ họp thứ ba về phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 28/12/2020 của HĐND xã khóa XIX, kỳ họp thứ ba về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 xã Phú Đình;

Theo đề nghị của công chức Văn phòng - thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 cho các công chức chuyên môn, các ban ngành đoàn thể của xã, các Trường học, Trạm y tế, các xóm trên địa bàn xã.

(Chi tiết tại các biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ nội dung Quyết định này, các công chức chuyên môn, các ban ngành đoàn thể của xã, các Trường học, Trạm y tế, các xóm trên địa bàn xã tham mưu thực hiện kế hoạch, giải pháp và triển khai tổ chức thực hiện để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

Điều 3. Công chức Văn phòng- Thống kê, các công chức chuyên môn, các ban ngành, đoàn thể, các Trường học, Trạm y tế, các xóm và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Trương Văn Vượng

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ PHÚ ĐÌNH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày 30/12/2021 xã Phú Đình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
I	Các chỉ tiêu về kinh tế		
1	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đ	42
2	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	2.584
	+ Thóc	Tấn	2.483
	+ Ngô	Tấn	1101
3	Giá trị sản phẩm/1ha đất nông nghiệp trồng trọt	Tr.đ	78
4	Diện tích trồng rừng tập trung	Ha	10
	Trong đó: Trồng quế	Ha	4
5	Diện tích trồng chè	Ha	14
6	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	3.250
7	Sản lượng rau các loại	Tấn	748
8	Tổng đàn gia súc, gia cầm		
	+ Đàn trâu:	Con	230
	+ Đàn bò:	Con	230
	+ Đàn lợn:	Con	1.200
	+ Tổng đàn gia cầm	Con	25.000
9	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	300
10	Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	28
11	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	15
12	Thu ngân sách trên địa bàn	Tr.đ	415,1
-	Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất)	Tr.đ	215,1
13	Giá trị sản xuất Công nghiệp – TTCN	Tỷ đồng	3,52
14	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP	Sản phẩm	01
II	Các chỉ tiêu về xã hội		
1	Giải quyết việc làm mới	Lao động	100
2	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	6
3	Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo	%	1
4	Giảm tỷ suất sinh thô	‰	0,5
5	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	0,5
6	Gia đình đạt gia đình văn hóa	% trở lên	87
7	Làng Văn hóa	% trở lên	88
8	Cơ quan văn hóa	%	100
9	Xây dựng đón 01 Trường đạt Chuẩn mức độ 2	Trường	THCS
10	Phân đấu 01 đạt xóm Nông thôn mới kiểu mẫu	Xóm	Phú Ninh
11	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95
III	Các chỉ tiêu về môi trường		
1	Duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng	%	55
2	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100
3	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	90

